

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỒNG THÁP**



**GIÁO TRÌNH
MÔ ĐUN: CHẨN ĐOÁN & ĐIỀU TRỊ HỌC
NGÀNH, NGHỀ: THÚ Y
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP/CAO ĐẲNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TCĐNĐT-ĐT ngày 13 tháng 07 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nghề Đồng Tháp)

Đồng Tháp, năm 2017

PHẦN MỞ ĐẦU

Chẩn đoán bệnh là thao tác xác định nguyên nhân gây bệnh, mức độ tác động của nguyên nhân gây bệnh với vật nuôi. Thao tác này diễn ra trong suốt quá trình theo dõi điều trị bệnh.

Điều trị bệnh là quá trình thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm điều chỉnh các rối loạn chức năng sinh lý của cơ thể, phục hồi cơ thể từ trạng thái bệnh trở về trạng thái bình thường.

Chẩn đoán và điều trị bệnh là môn học có nội dung cơ bản rất cần thiết của nghề thú y có kiến thức liên quan đến các môn học Sinh lý, giải phẫu động vật, miễn dịch học thú y, dược lý thú y, dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi...

Nội dung môn học chẩn đoán và điều trị bệnh phục vụ cho các thao tác thuộc các modul chuyên ngành kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

Tài liệu được biên soạn dựa trên khung chương trình môn học “chương trình Cao Đẳng nghề Thú y”, tham khảo các tài liệu chuyên ngành kết hợp kinh nghiệm hành nghề thực tế của các đồng nghiệp, phạm vi sử dụng cho các sinh viên trong nhà trường, rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô giáo, các bạn đồng nghiệp bổ sung để nội dung tài liệu hoàn thiện hơn

Trân trọng cảm ơn !

Bài 1: KHÁM BỆNH, CHẨN ĐOÁN BỆNH

1. Tầm quan trọng của công tác khám bệnh và chẩn đoán bệnh

1.1. Tầm quan trọng của công tác khám bệnh

Khi vật nuôi bị bệnh các biểu hiện của bệnh thể hiện ra bên ngoài. Ban đầu những biểu hiện này mờ nhạt, khó phát hiện, đến giai đoạn bệnh toàn phát biểu hiện của bệnh ngày càng rõ ràng hơn.

Khám bệnh là thao tác đầu tiên của chuỗi nhiệm vụ chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, nhiệm vụ của công tác khám bệnh là phát hiện bệnh kịp thời ngay từ giai đoạn đầu để có biện pháp xử lý vật nuôi bị bệnh hiệu quả.

Đối với nhóm bệnh có biểu hiện bệnh bên ngoài giống nhau, công tác khám bệnh còn có ý nghĩa phân biệt từng trường hợp bệnh lý cụ thể để có biện pháp xử lý vật nuôi bị bệnh chính xác.

Thông tin của bệnh thu được thông qua công tác khám bệnh là cơ sở để chẩn đoán bệnh chính xác.

Đối với vật nuôi, thao tác khám bệnh gặp nhiều khó khăn do mức độ tiếp xúc giữa kỹ thuật viên và con bệnh bị hạn chế, ngoài ra, thời điểm phát hiện bệnh không chính xác, thao tác khám bệnh bị con vật chống cự theo bản năng hoặc khám bệnh trong điều kiện thiếu trang thiết bị kỹ thuật, tâm lý chủ quan thường thu thập được thông tin bệnh thiếu, đánh giá mức độ bị bệnh không chính xác... sẽ ảnh hưởng đến kết quả chẩn đoán.

1.2. Tầm quan trọng của công tác chẩn đoán bệnh

Chẩn đoán bệnh là thao tác thu thập, so sánh, đối chiếu các kết quả thu được từ thao tác khám bệnh với các mô tả lý thuyết bệnh nhằm tìm ra, loại bỏ hoặc xâu chuỗi những thông tin để xác định tên bệnh.

Ngoài ra chẩn đoán bệnh còn đánh giá tình hình bệnh lý, khả năng điều trị và khai thác sau khi điều trị.

Nhiệm vụ của công tác chẩn đoán bệnh là đưa ra một kết luận bệnh cụ thể về tình trạng bệnh lý để lựa chọn phương án phòng bệnh, điều trị bệnh, loại thải bệnh.

Kết luận bệnh chính xác góp phần thiết lập phương án phòng trị bệnh kịp thời, hiệu quả.

Kết quả chẩn đoán bệnh chưa chính xác không chỉ làm sai lệch phác đồ điều trị mà còn tạo ra tình trạng bệnh phức tạp thêm, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của vật nuôi bị bệnh, tăng chi phí điều trị.

1.3. Yêu cầu của công tác khám bệnh

1.3.1. Nơi khám bệnh

Nơi khám bệnh cần yên tĩnh nhằm tránh các tác động bên ngoài như âm thanh, hình ảnh, khung cảnh xáo động làm xuất hiện thêm những biểu hiện phản ứng khác lạ ngoài triệu chứng của bệnh.

Tùy thuộc vào loài vật nuôi, nhóm nuôi mà diện tích nơi khám bệnh khác nhau. các cá thể khác trong đàn cần cách ly với cá thể bị bệnh.

Yên tĩnh là điều kiện cần thiết để người khám bệnh nghe rõ âm thở, tiếng tim, tiếng kêu, rên, tiếng ho, phản ứng bệnh lý trung thực từ bên trong cơ thể đồng thời giảm kích thích với một số loài, giống (đặc biệt là nhóm thú nuôi có nguồn gốc hoang dã).

Ánh sáng là điều kiện rất cần thiết để quan sát những biểu hiện triệu chứng bên ngoài như màu sắc của da, niêm mạc, tình trạng xung huyết, xuất huyết, cường độ ánh sáng còn dùng để đo phản xạ của thần kinh, của mắt.

Trong thực tế, nơi khám bệnh cho vật nuôi là chuồng nuôi thường ngày, điều kiện khám bệnh không đạt yêu cầu lý tưởng như mô tả lý thuyết và phụ thuộc nhiều vào điều kiện chuồng nuôi và có những đặc điểm sau:

Mô hình chuồng nuôi có nhiều cá thể vật nuôi bị bệnh sẽ bị tác động của cá thể khỏe xung quanh, khó thực hiện cách ly vật nuôi bị bệnh.

Chuồng nuôi thấp, che kín, thời điểm khám bệnh ban đêm... ánh sáng bị hạn chế.

Diện tích chuồng nuôi chật hẹp, điều kiện vệ sinh chuồng nuôi không sạch, còn chướng ngại vật... là những yếu tố khác cần khắc phục, thích nghi khi khám bệnh.

Tuy nhiên khám bệnh ngay tại chuồng nuôi cũng có một số ưu điểm như sau:

Khung cảnh bị bệnh, hiện trường nuôi bị bệnh trung thực cung cấp những thông tin dịch tễ bệnh góp phần chẩn đoán.

Có nhóm động vật nuôi còn khỏe để đối chứng phân biệt, đánh giá triệu chứng bệnh.

Ví dụ:

- Mức độ vệ sinh khu vực chuồng nuôi (điều kiện lây bệnh, kể phát bệnh).
- Kết cấu chiều cao, mái chuồng nuôi (tiểu khí hậu chuồng nuôi).
- Nền chuồng trơn, thoát nước (bệnh ở móng, khớp..)
- Lịch chăm sóc, nuôi dưỡng (lịch cho ăn, uống... với thói quen của vật nuôi, tắm nhiều, ít và bệnh ở lông, da...).

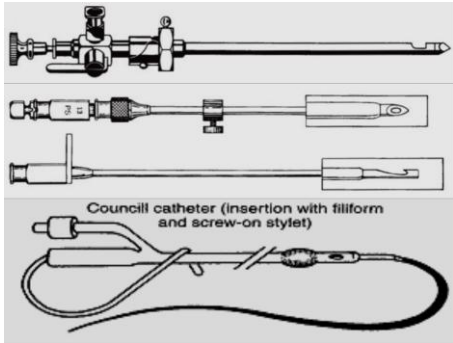
1.3.2. Phương tiện khám bệnh

Phương tiện khám bệnh cho vật nuôi thông thường bao gồm dụng cụ khám bệnh như nhiệt kế, tai nghe, ống cao su, kim chọc thăm dò, đèn soi, búa gõ.... và một vài loại máy cầm tay như máy chẩn đoán thai bằng siêu âm, máy đo độ dày mỡ lưng, máy siêu âm đầu dò...ngoài ra các trang thiết bị cố định vật nuôi, bảo hộ an toàn cho người thao tác ngày càng được đầu tư nhiều hơn.

	
Nhiệt kế	Tai nghe
Hình 1.1: Dụng cụ khám bệnh	

Trường hợp cần lấy mẫu cho thao tác chẩn đoán cận lâm sàng còn có thêm các dụng cụ lấy mẫu chứa mẫu và bảo quản mẫu.

Bộ dụng cụ cầm cột, dụng cụ đo thân nhiệt, dụng cụ chọc dò, ống thông...là những dụng cụ thường dùng khám bệnh.

	
Ống hút	Kim chọc dò
Hình 1.2: Dụng cụ khám bệnh	

	
Máy chẩn đoán thai (đầu dò)	Máy siêu âm
Hình 1.3: Dụng cụ khám bệnh	

Chuẩn bị đầy đủ bộ dụng cụ khám bệnh cần thiết, thử hoạt động của chúng trước khi khám bệnh sẽ đảm bảo cho thao tác khám bệnh theo đúng kế hoạch, kết quả khám bệnh thu được chính xác, kịp thời đặc biệt là trường hợp vật bệnh phải cố định hoặc cần nhiều người đè, giữ, vật bệnh có phản ứng quyết liệt.

Trong thực tế, một số máy móc phục vụ cho thao tác khám bệnh cho vật nuôi như máy siêu âm, máy chẩn đoán thai sớm...chưa phát huy được hiệu quả do quy mô chăn nuôi nhỏ, phân tán, điều kiện thực hiện khác biệt, thời gian thực hiện khám bệnh chưa chính xác.

1.3.3. Thầy thuốc

Tình trạng sức khỏe, kinh nghiệm nghề nghiệp của người khám bệnh là yếu tố quan trọng chi phối kết quả khám bệnh, đặc biệt trong những điều kiện hiện trường khám bệnh khó khăn có tính đặc thù của các mô hình chăn nuôi.

Kiến thức nghề nghiệp và thói quen nghề nghiệp là điều kiện để khám bệnh kỹ lưỡng, nhạy với các biểu hiện bệnh, không bỏ sót chứng cứ, phát hiện kịp thời biểu hiện bệnh khác thường ở nhiều mức độ khác nhau.

Trong thực tế, kỹ thuật viên thú y khám bệnh và chẩn đoán bệnh cho vật nuôi làm việc độc lập, kết luận bệnh là nhận định chủ quan của người thao tác. Kết quả khám bệnh, điều trị bệnh dễ bị ảnh hưởng của người khác tác động trong suốt quá trình theo dõi, điều trị bệnh.

Kết luận bệnh thận trọng, khách quan là phải hoàn toàn dựa vào biểu hiện triệu chứng bệnh quan sát thấy được, đo đếm được, định lượng được trực tiếp, các thông tin về điều tra so sánh, được phản ánh, kinh nghiệm chỉ có tác dụng tham khảo.

Không kết luận vội vàng khi điều kiện chẩn đoán và điều trị bệnh còn hạn chế, phạm vi hẹp, số lượng còn ít.

1.3.4. Vật nuôi bị bệnh

Vật nuôi bị bệnh là đối tượng chính được khám bệnh, chẩn đoán chúng có những đặc điểm sau:

Trong mỗi hoàn cảnh nuôi khác nhau vật nuôi có sức khỏe, thói quen, tập tính khác nhau, sự khác biệt này thể hiện ngay cả trong khi bị bệnh.

Thời gian vật nuôi đã bị bệnh, tác động của kỹ thuật điều trị trước thời điểm khám bệnh tác động đến kết quả khám bệnh, cần xác định rõ những thông tin này.

Tính đặc trưng chung của giống, loài. Có những bệnh, nhóm bệnh chỉ xảy ra trên một số loài, giống nhất định mà không gây ra được trên loài khác khác, có những bệnh lây chung giữa một số loài.

Tính đặc thù của cá thể: thường thấy hơn do sức khỏe khác nhau ở giai đoạn khác nhau, điều kiện sống khác nhau. Có khi cùng một bệnh nhưng mức độ biểu hiện triệu chứng bệnh trên cá thể khác nhau sẽ khác nhau.

Cá thể vật nuôi bị bệnh đặt giữa nhiều cá thể khác trong đàn sẽ có nhiều thông tin để so sánh tình trạng bệnh lý giữa cá thể khỏe và cá thể bệnh. Trường hợp tách rời cá thể bệnh với con khỏe trong đàn thiếu cơ sở đối chiếu so sánh bệnh.

2. Nội dung khám bệnh

2.1. Khám tổng thể (toàn thân)

Khám tổng thể (toàn thân) để thu thập tình trạng rối loạn toàn thân dựa vào mối liên hệ hoạt động chức năng giữa các cơ quan trong cơ thể.

Khám tổng thể (toàn thân) bao gồm các thao tác xác định tình trạng thay đổi của tất cả các cơ quan chức năng, sau đó liên kết chúng lại với nhau theo cơ chế hoạt động sinh lý của cơ thể

Tổng hợp nhiều triệu chứng bệnh, chọn lọc, loại bỏ những nhóm triệu chứng bệnh phù hợp có liên quan là hệ quả của nhau, xác định cơ quan bị rối loạn chủ yếu.

Khi đang điều trị, triệu chứng của bệnh bị ảnh hưởng trực tiếp có thể hiện khác thường do tác động dược lý của thuốc điều trị, vì vậy thao tác khám bệnh cũng cần tiên lượng đánh giá thêm triệu chứng mới do thuốc điều trị tạo ra.

2.2. Khám cục bộ

Khám cục bộ (vị trí cụ thể) thực hiện sau khi đã xác định được cơ quan bị bệnh chủ yếu, mỗi cơ quan (vị trí cụ thể) có dụng cụ, thao tác khám bệnh chuyên biệt nhằm xác định mức độ bị bệnh tại vị trí cục bộ.

Khám cục bộ cần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu hơn và yêu cầu cao hơn về kiến thức về cấu trúc mô, giải phẫu bệnh học vị trí, cơ quan bị bệnh, hoạt động chức năng sinh lý của tổ chức bị bệnh.

3. Bệnh án

3.1. Tác dụng của bệnh án

Bệnh án là tài liệu phản ánh lại chứng cứ bệnh, quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh, mỗi trường hợp bệnh cần thiết phải có bệnh án để theo dõi tiến trình bị bệnh, so

sánh với các trường hợp tiền sử bệnh lý nhằm thống kê, tìm ra quy luật phát bệnh, kết quả điều trị bệnh.

3.2. Nội dung của bệnh án

Bệnh án bao gồm 4 nhóm nội dung chủ yếu sau.

3.2.1. Thông tin về con bệnh.

Bao gồm loài, giống, tính biệt, lứa tuổi, trọng lượng, đặc điểm nhận biết riêng biệt (tên gọi, ký hiệu), địa chỉ.

Thông tin về con bệnh giúp quản lý, theo dõi điều trị phân biệt nó với các cá thể khác trong đàn và có phương án điều trị, điều chỉnh phác đồ điều trị chính xác hơn. Ngoài ra thông tin cụ thể về con bệnh còn được sử dụng trong một số tình huống pháp lý liên quan

3.2.2. Thông tin khám bệnh.

Bao gồm tất cả các thông tin triệu chứng bệnh ban đầu, diễn biến triệu chứng.

Triệu chứng ban đầu là những biểu hiện bệnh quan sát được hoặc điều tra được, mới xuất hiện trên đàn vật nuôi bị bệnh, các cá thể vật nuôi cùng loài, giống, điều kiện nuôi trong khu vực lân cận.

Diễn biến triệu chứng là sự thay đổi tất cả những biểu hiện bệnh theo thời gian kể cả trường hợp chưa điều trị, đang được điều trị, đã điều trị .

Diễn biến triệu chứng có cả những kết quả của bệnh (chết, hủy, khỏi bệnh).

3.2.3. Thông tin chẩn đoán bệnh.

Bao gồm các kết luận chẩn đoán bệnh ban đầu, kết luận chẩn đoán bệnh trong khi điều trị, kết luận chẩn đoán bệnh sau khi điều trị.

Kết luận bệnh ban đầu thường là những kết luận dựa vào một vài chứng cứ bệnh đầu tiên thu thập được. Mức độ tin cậy của kết luận này chưa cao do thông tin về bệnh còn ít, biểu hiện bệnh sơ bộ.

Kết luận bệnh trong khi điều trị có mức độ tin cậy cao hơn do người thao tác đã thu được thêm được nhiều biểu hiện triệu chứng của bệnh đồng thời có thêm kết quả đáp ứng của cơ thể bị bệnh với chỉ định của thuốc điều trị.

Kết luận bệnh sau khi điều trị có mức độ tin cậy cao hơn nữa do đã theo dõi được gần như toàn bộ quá trình diễn biến của bệnh, đáp ứng điều trị, ngoài ra còn theo dõi được cả kết quả, hậu quả của bệnh.

Bệnh án thể hiện cả quá trình chẩn đoán sẽ cung cấp nhiều thông tin cho người khác về quá trình bệnh, cho người thực hiện rút ra những quy luật bệnh để điều chỉnh quá trình chẩn đoán và điều trị các trường hợp tương tự trong tương lai.

3.2.2. Thông tin về kỹ thuật điều trị bệnh.

Bao gồm phương án dùng thuốc, can thiệp, chăm sóc hỗ trợ điều trị bệnh, quá trình thay đổi, điều chỉnh phác đồ điều trị theo thời gian.

Bệnh án thể hiện mục thông tin này sẽ phản ánh mức độ tin cậy của thuốc điều trị nhằm cho người thao tác rút ra những kinh nghiệm xử lý thuốc điều trị.

3.3. Tổng kết hồ sơ bệnh

Hồ sơ bệnh là tài liệu tổng hợp các quá trình bệnh án, có thể là của một cá thể, có thể là của một đàn, trong đó gồm các nội dung:

Nhận định về bệnh (tên bệnh, quy luật phát bệnh, quy luật điều trị, những thông tin cần lưu ý về sự thay đổi triệu chứng, bệnh tích khác thường).

Nhận định về kỹ thuật điều trị (các phác đồ điều trị ưu thế, những biện pháp can thiệp bệnh cần thiết, những phản ứng phụ, hậu quả và cách khắc phục, hạch toán chi phí điều trị).

Tổng kết hậu quả bệnh (Tỷ lệ chết, thời gian chết, tỷ lệ khỏi bệnh, số ngày điều trị tối thiểu, khả năng tái phát, tỷ lệ tái phát, di chứng của bệnh...)

3.4. Lưu trữ hồ sơ bệnh

Lưu trữ hồ sơ bệnh là việc làm cần thiết trong một khoảng thời gian nhất định nhằm lưu hồ sơ nghiên cứu bệnh mới, rút kinh nghiệm điều trị bệnh. Lưu trữ hồ sơ bệnh đầy đủ đối với kết quả chẩn đoán bệnh dịch liên quan với pháp luật.

Đối với những bệnh thông thường thời gian lưu trữ từ 3 đến 6 tháng.

Đối với những bệnh dịch thời gian lưu trữ từ 1 năm đến 3 năm.

Hồ sơ lưu trữ bệnh án có ý nghĩa rất quan trọng về quá trình nghiên cứu thống kê, rút kinh nghiệm chẩn đoán bệnh, thông tin bệnh qua các năm.

Bài 2: MỘT SỐ KHÁI NIỆM TRONG CHẨN ĐOÁN BỆNH

1. Triệu chứng

1.1. Khái niệm triệu chứng

Hoạt động sinh hoá, sinh lý diễn ra bên trong cơ thể động vật biểu hiện ra ngoài bằng các dáng điệu, cử chỉ, phản ứng tương xứng đo được, đếm được, quan sát được cụ thể được gọi là triệu chứng.

Những dáng điệu, cử chỉ, phản ứng diễn ra lặp lại hàng ngày đặc trưng cho cá thể phản ánh các quá trình diễn ra bên trong ổn định là triệu chứng của cơ thể khỏe.(kể cả cơ thể bị tật).

Những dáng điệu, cử chỉ, phản ứng diễn ra khác thường, xuất hiện đột ngột sau đó tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định đi kèm với biểu hiện ăn uống suy giảm, phát triển không bình thường, sinh sản không ổn định... là triệu chứng của cơ thể bị bệnh.

Những hoạt động sinh hoá, sinh lý diễn ra khác thường bên trong cơ thể động vật không thấy biểu hiện ra ngoài hoặc biểu hiện không rõ ràng chỉ phát hiện được khi mổ khám gọi là các bệnh tích.

Triệu chứng bệnh bên ngoài và bệnh tích bệnh bên trong cơ thể có mối liên hệ với nhau khi vật nuôi bị bệnh, thông thường mức độ tiên lượng bệnh của triệu chứng bên ngoài và bệnh tích bên trong tỷ lệ thuận với nhau

1.2. Phân loại triệu chứng

1.2.1. Triệu chứng chung

Triệu chứng chung là chùm triệu chứng thấy được ở nhiều loài vật nuôi khi bị bệnh như ăn ít hơn, bỏ ăn hẳn, mệt mỏi, vận động chậm...

Triệu chứng chung xuất hiện vào giai đoạn bệnh khởi phát, khi cơ thể bắt đầu chuỗi rối loạn chức năng, chưa được chăm sóc, điều trị bệnh, sau đó triệu chứng chung còn có nhiều chiều hướng diễn biến phức tạp.

Mỗi nhóm bệnh có chùm triệu chứng chung đặc trưng cho nhóm bệnh ấy, mức độ thể hiện triệu chứng chung khác nhau do các yếu tố như giai đoạn bị bệnh, thời gian đã bị bệnh, điều kiện môi trường sống khác nhau.

Triệu chứng chung xuất hiện ở giai đoạn đầu bệnh chưa biểu hiện rõ ràng tên bệnh nhưng một số thông tin của chùm triệu chứng chung cũng có giá trị chẩn đoán nhóm căn nguyên gây bệnh, xu hướng phát triển của nhóm bệnh.

Thời điểm bộc lộ chùm triệu chứng chung ghi nhận tình trạng bệnh lý bắt đầu, tuy nhiên trước đó vật nuôi đã có một quá trình nhiễm bệnh, ủ bệnh, phát triển bệnh tiềm tàng.

1.2.2. Triệu chứng dịch tễ học

Yếu tố dịch tễ bệnh học bao gồm các nội dung như

- Yếu tố địa lý: vùng, địa phương có bệnh.
- Khoảng thời gian mắc bệnh chủ yếu trong năm (Mùa, vụ).
- Chu kỳ mắc bệnh hàng năm (Tháng, năm).
- Giống, tính biệt, lứa tuổi, điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng của vật nuôi.

Triệu chứng dịch tễ học là những triệu chứng được biểu hiện và phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố dịch tễ bệnh, đó là điều kiện để bệnh tồn tại, lan truyền, phát bệnh vì vậy thông tin dịch tễ học là một trong những cơ sở chẩn đoán bệnh.

1.2.3. Triệu chứng điển hình

Triệu chứng điển hình là triệu chứng chỉ thấy được ở 1 bệnh cụ thể đặc trưng cho căn nguyên gây ra nó trong một giai đoạn bị bệnh nhất định.

Triệu chứng điển hình xuất hiện vào giai đoạn toàn phát khi tác nhân gây bệnh đạt đến thời điểm gây bệnh đặc trưng, khi đó triệu chứng lâm sàng, bệnh tích lâm sàng thể hiện rõ nhất.

Triệu chứng điển hình chỉ thể hiện trung thực trong điều kiện chưa có tác động điều trị. Nếu đã được điều trị có 2 trường hợp xảy ra:

- Điều trị đúng hướng: Không kịp thấy triệu chứng điển hình của bệnh.
- Điều trị không đúng hướng: Có thể thấy triệu chứng điển hình, ngoài ra còn thấy nhiều nhóm triệu chứng khác biệt do bệnh kể phát, do sức chống chịu bệnh của cơ thể thay đổi, do kỹ thuật điều trị tạo ra (nhóm triệu chứng do điều trị).

1.2.4. Triệu chứng nguyên phát

Triệu chứng nguyên phát là triệu chứng bệnh do căn nguyên gây bệnh tạo ra.

Triệu chứng nguyên phát xuất hiện ngay từ giai đoạn đầu bệnh, triệu chứng nguyên phát có chiều hướng diễn biến dễ suy đoán, có chuyển biến tích cực khi điều trị đúng hướng.

Bệnh chỉ có triệu chứng nguyên phát cho biết căn nguyên gây bệnh đơn, tình hình diễn biến của bệnh đơn giản, điều trị dễ kiểm soát và có hiệu quả.

1.2.5. Triệu chứng thứ phát (Kể phát)

Khi căn nguyên gây ra bệnh, cơ thể bị rối loạn chức năng và suy yếu dần, một số các nguyên nhân khác thường trực hay cơ hội tác động gây bệnh làm tình trạng bệnh trầm trọng thêm, lúc này xuất hiện thêm một chùm triệu chứng bệnh mới mà bản thân căn nguyên gây bệnh ban đầu không có, đó là triệu chứng thứ phát.

Tác động của kỹ thuật điều trị, chăm sóc trong khi điều trị, điều kiện môi trường nuôi trong khi điều trị chưa phù hợp cũng là những nguyên nhân gây ra triệu chứng thứ phát.

Bệnh có triệu chứng thứ phát đánh dấu tình hình bệnh diễn biến phức tạp, có thể do bội nhiễm căn nguyên gây bệnh hoặc do phác đồ điều trị chưa đúng hướng và không có hiệu quả.

1.2.6. Triệu chứng bệnh tích

Triệu chứng bệnh tích là triệu chứng thu thập được khi mổ khám cơ thể bệnh.

Giai đoạn khởi phát (khi cơ thể bệnh đang có triệu chứng chung) bệnh tích biến đổi chưa rõ ràng khó phát hiện nên giá trị chẩn đoán chưa cao. Giai đoạn toàn phát (khi cơ thể bệnh đã có triệu chứng điển hình) bệnh tích biến đổi rõ ràng dễ phát hiện nên giá trị chẩn đoán bệnh cao.

Kết hợp triệu chứng bệnh tích với triệu chứng lâm sàng bệnh sẽ có nhiều thông tin góp phần chẩn đoán bệnh chính xác hơn.

Trong thực tế chăn nuôi, mổ khám triệu chứng bệnh tích gặp một số trở ngại khi số lượng vật nuôi ít, giá trị vật nuôi cao hoặc khi vật nuôi nghi bị nhiễm các nhóm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

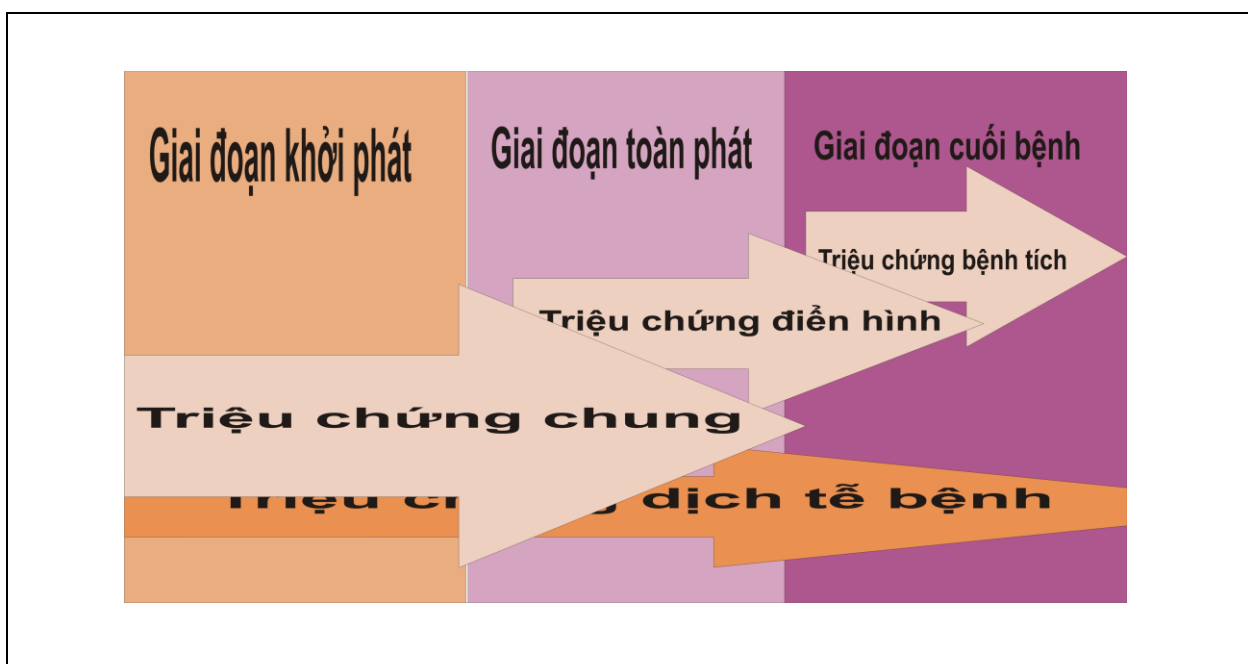
Mổ khám bệnh tích rất hạn chế chỉ diễn ra khi chẩn đoán bệnh cho đàn vật nuôi có số lượng cá thể lớn, trường hợp bệnh ít thông tin, khó chẩn đoán, tiên lượng bệnh đã rất xấu hoặc đã có cá thể đã bị chết do bệnh, các trường hợp nghiên cứu bệnh chứng mổ khám bệnh tích.

Để xác định chính xác triệu chứng bệnh tích cần có nhận định chính xác cấu trúc giải phẫu của các tổ chức cơ thể động vật cùng lứa tuổi, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng phòng trị bệnh hoặc có mổ khám đối chứng với cơ thể khỏe.

1.3. Mối quan hệ giữa các loại triệu chứng

Mỗi căn nguyên gây bệnh đều có đủ các triệu chứng, đó là:

- Triệu chứng chung.
- Triệu chứng dịch tễ học.
- Triệu chứng điển hình.
- Triệu chứng bệnh tích.



Hình 2.1: Trình tự xuất hiện và mối quan hệ giữa các loại triệu chứng

Tuỳ vào căn bệnh, điều kiện phát bệnh mà các loại triệu chứng này thể hiện từng mức độ khác nhau, có khi chúng đan xen lẫn nhau.

Trong điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp, bệnh có căn nguyên đơn thường chỉ thấy triệu chứng bệnh nguyên phát, điều kiện nuôi dưỡng chưa phù hợp, bệnh ghép có thể sẽ thấy triệu chứng bệnh kế phát.

Tác động của môi trường, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng lên mức độ thể hiện triệu chứng là yếu tố cân nhắc trước khi đưa ra nhận định phân loại triệu chứng, đặc biệt là ảnh hưởng của môi trường nuôi lên triệu chứng chung của bệnh.

Triệu chứng chung xuất hiện trước và tồn tại song song cùng triệu chứng điển hình. Tương tự triệu chứng nguyên phát xuất hiện trước và tồn tại song song cùng triệu chứng thứ phát.

Triệu chứng điển hình chủ yếu xuất hiện ở giai đoạn toàn phát và kéo dài sang giai đoạn cuối bệnh chùng triệu chứng điển hình có thể còn chứa đựng cả triệu chứng lạ do thuốc thú y hoặc kỹ thuật can thiệp tác động, cần phân biệt triệu chứng điển hình của bệnh để có phương án điều trị.

Triệu chứng bệnh tích chỉ thể hiện rõ ở giai đoạn cuối bệnh, bệnh tích cũng bị thay đổi do tác động của thuốc điều trị hoặc biện pháp can thiệp.

Triệu chứng dịch tể bệnh tồn tại tương ứng và có giá trị để chẩn đoán bệnh trong suốt quá trình từ khi phát bệnh đến sau khi khỏi bệnh hoặc hủy bệnh.

Thu thập càng nhiều thông tin triệu chứng bệnh kết quả chẩn đoán càng chính xác.

Trong thực tế chẩn đoán và điều trị, triệu chứng dịch tể bệnh, triệu chứng chung của bệnh thường gặp và có giá trị để phân biệt, chẩn đoán bệnh.

Triệu chứng điển hình và triệu chứng bệnh tích ít khi xảy ra do điều kiện điều trị sớm và hạn chế mổ khám.

1.4. Ý nghĩa chẩn đoán bệnh

Mỗi bệnh sẽ có những dấu vết triệu chứng đặc trưng là cơ sở để chẩn đoán căn nguyên gây bệnh, tuy nhiên mức độ đánh giá triệu chứng bệnh lại tương ứng với một vài cách tiếp cận và phương pháp chẩn đoán bệnh khác nhau tại những thời điểm nhất định.

Triệu chứng bệnh bên trong và bên ngoài cơ thể liên quan với nhau, triệu chứng bên ngoài phản ánh tình trạng bệnh tích bên trong cơ thể, cần phải xem xét lại kết quả chẩn đoán khi bệnh tích bên trong và triệu chứng bên ngoài trên cùng một cơ thể bệnh không phù hợp với nhau.

Triệu chứng của trạng thái cơ thể bệnh có xu hướng trở về trùng với triệu chứng của trạng thái cơ thể khỏe cho thấy phác đồ điều trị đúng hướng và có hiệu quả.

Triệu chứng của cơ thể bệnh dao động bất thường, dao động kéo dài xung quanh triệu chứng cơ thể khỏe cho thấy phác đồ điều trị chưa đúng hướng.

Biên độ dao động các chỉ số sinh lý bệnh càng xa các chỉ số triệu chứng sinh lý khỏe cho thấy rối loạn cơ thể trầm trọng và tiên lượng bệnh xấu. Biên độ dao động của các chỉ số sinh lý bệnh gần các chỉ số triệu chứng sinh lý khỏe cho thấy rối loạn cơ thể ít trầm trọng và tiên lượng bệnh còn tốt.

Triệu chứng bệnh luôn thay đổi theo thời gian bị bệnh, mức độ bị bệnh, phương án điều trị, đặc điểm riêng của cá thể vì vậy mỗi triệu chứng tại một thời điểm nhất định chỉ có giá trị chẩn đoán bệnh tạm thời.

Ví dụ :

Nhiệt độ đo được là 40°C trên một cơ thể bệnh có 3 tình huống xảy ra là:

- Thân nhiệt sốt 40°C
- Đang sốt cao dần nhưng tại thời điểm đo là 40°C
- Đang hạ sốt thấp dần nhưng tại thời điểm đo là 40°C

Để xác định được triệu chứng bệnh đang ở trường hợp nào người khám bệnh phải thu thập thêm các thông tin khác như.

- Tuổi của vật bệnh.
- Thời gian đã bị bệnh.
- Các loại thuốc đã dùng.

- Biện pháp chăm sóc hiện tại.

Trong thực tế, có những triệu chứng là do bệnh gây ra dùng để chẩn đoán bệnh, có những triệu chứng xuất hiện kéo theo không dùng để chẩn đoán bệnh mà cần loại bỏ.

Ví dụ : ở gia súc :

Sốt cao là triệu chứng do bệnh, Táo bón là triệu chứng kéo theo.

ở gia cầm :

Sốt cao là triệu chứng do bệnh, tiêu chảy là triệu chứng kéo theo.

Cũng có những trường hợp triệu chứng trong trường hợp này là triệu chứng của bệnh, trong trường hợp khác là triệu chứng kéo theo.

Ví dụ : ở gia súc: *Sốt cao ngay từ ban đầu là triệu chứng do bệnh, sốt cao sau các cơn co giật là triệu chứng kéo theo*

2. Hội chứng

Hội chứng là trường hợp cơ thể vật nuôi bị bệnh có nhiều nguyên nhân gây bệnh cùng tác động thể hiện cùng lúc nhiều triệu chứng bệnh lạ, phức tạp.

Hội chứng cũng có thể là trường hợp cơ thể vật nuôi bị bệnh có ít nguyên nhân gây bệnh nhưng cũng thể hiện cùng lúc triệu chứng của nhiều bệnh khác nhau.

Ví dụ:

- Hội chứng đau bụng ở gia súc.

- Hội chứng tiêu chảy ở gia súc.

- Hội chứng PRRS.

Hội chứng có nhiều triệu chứng xuất hiện, diễn biến theo chiều hướng có thể khác nhau. Việc xác định chính xác 1 nhóm triệu chứng chính để xây dựng phương án điều trị dễ bị nhầm lẫn, công tác khám bệnh, xác định hội chứng bệnh thường do nhiều người có chuyên môn liên quan bệnh thực hiện gọi là hội chẩn.

Trong thực tế khám bệnh và chẩn đoán bệnh, hội chứng thường là tập hợp của nhiều triệu chứng phức tạp, không rõ ràng, đồng thời hội chứng cũng là hậu quả của nhiều nguyên nhân gây bệnh khác nhau cùng gây ra.

3. Chẩn đoán

3.1. Khái niệm

Chẩn đoán bệnh là một quá trình nhiều thao tác diễn ra liên tục từ khi bắt đầu tiếp xúc với vật nuôi bị bệnh đến khi điều trị khỏi bệnh (hoặc xử lý bệnh chết).

Chẩn đoán bệnh sử dụng thông tin thu được từ khám bệnh, xét nghiệm bệnh, thống kê bệnh, hỏi bệnh... để đoán tên bệnh. Tùy vào mức độ chính xác của thông tin được sử dụng kết quả chẩn đoán bệnh có mức độ chính xác khác nhau.

Chẩn đoán bệnh có nhiều mức độ tin cậy khác nhau, tùy vào phương pháp chẩn đoán, mức độ đánh giá có những sai lệch do còn nhiều yếu tố tác động. Thông thường kết quả chẩn đoán về tên nhóm bệnh, nhóm căn nguyên gây bệnh cần chính xác, mức độ tiên lượng, giai đoạn bị bệnh còn mức độ sai lệch.

Có nhiều trường hợp quá trình chẩn đoán bệnh diễn trong suốt mùa bị bệnh, trên nhiều cá thể bị bệnh khác nhau trong đó sử dụng tất cả thông tin triệu chứng bệnh, triệu chứng bệnh tích, kết quả điều trị bệnh.

Trong thực tế khám bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định, người thực hiện chẩn đoán bệnh càng có nhiều thời gian theo dõi, thực hiện thao tác điều trị càng có thêm nhiều thông tin để chẩn đoán bệnh chính xác hơn, một số trường hợp đưa ra kết luận bệnh ngay sau khi khám bệnh sẽ dễ bị nhầm lẫn.

Trong vụ dịch, khi đã có kết luận dịch bệnh của các cơ quan thú y cấp trên có thể đưa ra kết luận bệnh ngay sau khi khám bệnh thu được thông tin bệnh phù hợp.

Ví dụ:

Đưa ra kết luận gia súc bị lở mồm long móng khi:

- Đã có thông tin công bố dịch lở mồm long móng trên gia súc ở địa phương.*
- Khám bệnh thấy có triệu chứng lở mồm, long móng.*

Đưa ra kết luận lợn bị hội chứng tai xanh khi:

- Đã có thông tin công bố dịch tai xanh tại địa phương.*

- Khám bệnh thấy có triệu chứng ở hệ hô hấp và hệ sinh sản.

3.2. Phân loại chẩn đoán

Dựa vào phương pháp điều tra thu thập chứng cứ bệnh mà có phương pháp chẩn đoán phù hợp, hiện có các phương pháp chẩn đoán bệnh sau:

3.2.1. Phương pháp chẩn đoán bệnh lâm sàng

3.2.1.1. Khám bệnh lâm sàng.

3.2.1.2. Chẩn đoán phân biệt

3.2.2. Phương pháp chẩn đoán bệnh cận lâm sàng

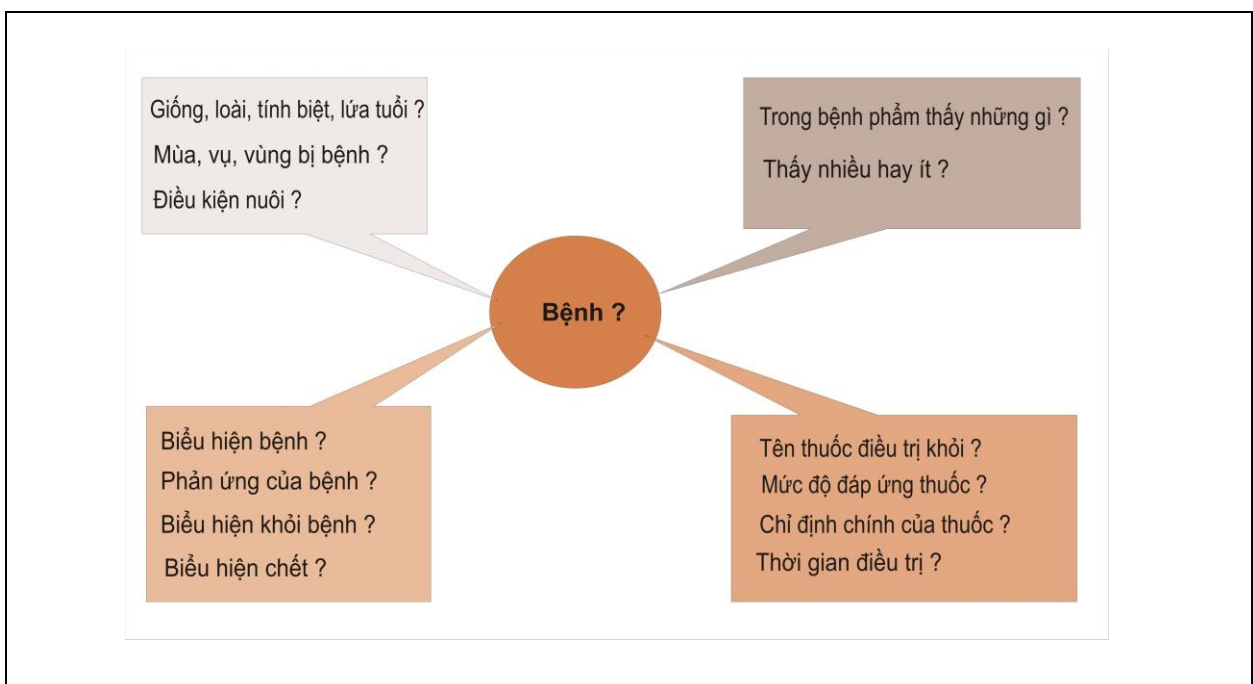
3.2.2.1. Phương pháp định tính

3.2.2.2. Phương pháp định lượng

3.2.3. Phương pháp chẩn đoán dịch tễ bệnh

3.2.4. Phương pháp chẩn đoán bệnh thông qua điều trị.

Trong thực tế, kỹ thuật viên thú y cần kết hợp càng nhiều phương pháp chẩn đoán đồng thời càng tốt, kết quả thu được sẽ có giá trị hơn. Phương pháp chẩn đoán bệnh lâm sàng và phương pháp chẩn đoán thông qua điều trị có giá trị linh hoạt, dễ thực hiện.



Hình 2.2: Các phương pháp chẩn đoán bệnh

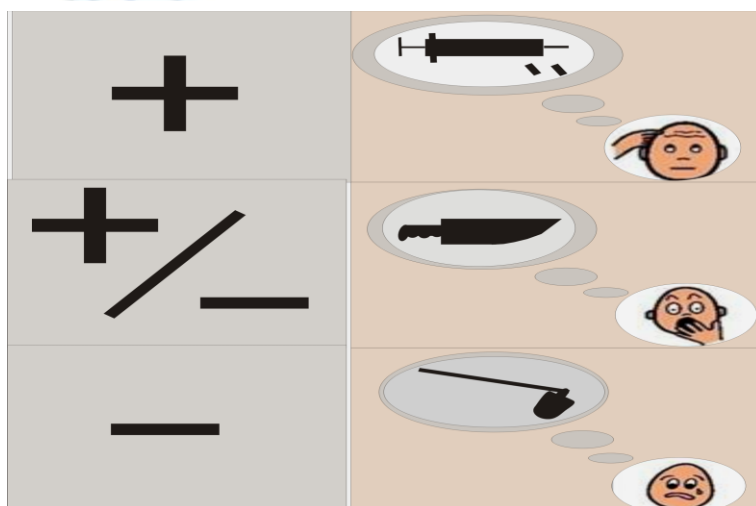
4. Tiên lượng

4.1. Khái niệm:

Tiên lượng là dự báo tình hình, hậu quả bệnh của vật nuôi bị bệnh trong tương lai. (kể cả trường hợp thực hiện điều trị và không điều trị).

Trong thực tế, tiên lượng bệnh dứt khoát, chính xác ngay từ khi tiếp xúc với bệnh nhằm thỏa thuận phương án xử lý bệnh ngay từ đầu nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Kỹ thuật viên càng có nhiều thời gian tiếp xúc với bệnh càng có nhiều kinh nghiệm, kết quả xác định tiên lượng bệnh càng chính xác.



Hình 2.3: Tiên lượng bệnh

4.2. Phân loại tiên lượng.

4.2.1. Tiên lượng bệnh quá xấu.

- Không có kết luận bệnh chính xác.
- Bệnh lây nhanh, lây chung với nhiều loài khác.